ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 223 /KH-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 6 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030; xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1441/SNN-PTNT ngày 30/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh áp dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, tiến đến cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

- Thúc đẩy, khuyến khích đầu tư, nâng cấp công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ các nông sản, đặc biệt là sản phẩm chủ lực của tỉnh và đặc sản của từng địa phương nhằm phát huy lợi thế của từng vùng, tạo việc làm, tăng thu nhập góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cơ giới hoá nông nghiệp

a) Lĩnh vực trồng trọt

- Khâu làm đất: Cây lúa, cây trồng cạn đạt 100% vào năm 2025; cây dài ngày đạt trên 80% năm 2025 và trên 90% vào năm 2030.

- Khâu gieo trồng: Cây lúa đạt 10% năm 2025, đạt 30% vào năm 2030; cây trồng cạn đạt 15% vào năm 2030.

- Khâu chăm sóc: Cây lúa đạt 20%, cây trồng cạn, rau các loại đạt 5%, cây dài ngày đạt trên 10% vào năm 2025 và cây lúa đạt 50%, cây trồng cạn, rau các loại đạt 20%, cây dài ngày đạt trên 50% vào năm 2030.

- Khâu thu hoạch: Cây lúa đạt 98,8% diện tích sản xuất thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp vào năm 2025 và 100% vào năm 2030

b) Chăn nuôi: Cơ giới hoá chăn nuôi trang trại tập trung đạt trên 60% vào năm 2025 và đạt trên 80% vào năm 2030; đối với chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ đạt từ 25% vào năm 2025 và đạt trên 45% vào năm 2030.

c) Thuỷ sản: Cơ giới hóa đồng bộ trong nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp đạt trên 70% năm 2025, đạt trên 80% năm 2030; đánh bắt, bảo quản trên tàu cá đạt 40% năm 2025, đạt trên 60% năm 2030.

d) Lâm nghiệp: Tại các vùng trồng rừng tập trung, quy mô lớn cơ giới các khâu xử lý thực bì, làm đất, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, chữa cháy rừng, khai thác, vận xuất, vận chuyển lâm sản đạt trên 20% năm 2025 và trên 60% năm 2030. Các vùng rừng sản xuất còn lại, tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hoá khâu làm đất, trồng, chăm sóc, chữa cháy rừng và phát triển rừng đạt 20-30% năm 2030.

2.2. Chế biến, bảo quản nông sản

- Tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chủ lực đạt trên 2,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh;

- Số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương tăng 10%/năm;

- Trên 70% số cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực đạt trình độ và năng lực công nghệ trung bình tiên tiến trở lên;

- Tổn thất sau thu hoạch các nông sản chủ lực giảm từ 0,5% đến 1,0%/năm.

III. NHIỆM VỤ

1. Cơ giới hóa trong sản xuất

a) Lĩnh vực trồng trọt

- Đối với cây lúa, cây trồng cạn: Cơ giới hóa trong khâu làm đất, gieo trồng; sử dụng thiết bị bay không người lái trong bón phân, bảo vệ thực vật và máy gặt đập liên hợp có tính năng kỹ thuật cao trong thu hoạch lúa; phát triển các loại máy sấy, hệ thống sấy phù hợp với quy mô và đối tượng sản xuất.

- Sản xuất rau các loại: Cơ giới hóa trong các khâu làm đất, gieo hạt; tưới tiết kiệm, tự động kết hợp cung cấp dinh dưỡng; ứng dụng công nghệ IoT, thông minh trong quản lý; từng bước cơ giới hóa trong khâu thu hoạch.

- Đối với cây dài ngày: Cơ giới hóa trong các khâu làm đất, chăm sóc; tưới tự động kết hợp cung cấp dinh dưỡng; sử dụng thiết bị bay không người lái trong bảo vệ thực vật.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

- Cơ giới hóa sản xuất, chế biến thức ăn (gia súc, gia cầm): Sử dụng máy cắt, băm, nghiền, xay xát, trộn thức ăn tự động, máy ép viên thức ăn chăn nuôi, hệ thống vắt sữa tự động; ứng dụng thiết bị, công nghệ cung cấp thức ăn, nước uống tự động.

- Sử dụng máy ép tách phân, hệ thống hầm Biogas ở các trang trại chăn nuôi có quy mô lớn, quy mô vừa, đối với trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ sử dụng hệ thống hầm Biogas, chế phẩm sinh học để xử lý chất thải giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tận dụng chất thải chăn nuôi cho trồng trọt.

- Áp dụng máy, thiết bị cho chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, có kỹ thuật và công nghệ phù hợp để hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi

trường vừa bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm vừa tăng khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

c) Lĩnh vực thủy sản

- Áp dụng máy, thiết bị trong nuôi trồng thủy sản nhằm giảm lao động thủ công, đưa công nghệ tiên tiến, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản thâm canh, công nghiệp, công nghệ cao góp phần giảm chi phí đầu tư, quản lý tốt hơn môi trường ao nuôi, giảm thiểu rủi ro dịch bệnh, nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

+ Đối với nuôi trồng thủy sản: Sử dụng máy để đào đắp, cải tạo ao, bơm nước, hệ thống cung cấp ô xi (dàn quạt, sục khí), cung cấp điện, phối trộn thức ăn, máy cho ăn tự động, các thiết bị quan trắc môi trường tự động, sử dụng máy sang tôm tự động trong nuôi tôm thâm canh nhiều giai đoạn,…

+ Sản xuất giống: Sử dụng các thiết bị sục khí, thiết bị cung cấp oxy, thiết bị kiểm tra các yếu tố môi trường, máy đếm tôm tự động, các thiết bị kiểm tra mầm bệnh trên tôm,…

- Đối với khai thác thủy sản: Hiện đại hóa trong tổ chức khai thác và bảo quản sản phẩm thủy sản, cụ thể ứng dụng: Máy tời thu, thả lưới, hệ thống cẩu trên tàu, thiết bị dò tìm đàn cá, hầm bảo quản sản phẩm thủy sản trên tàu cá, hệ thống chiếu sáng thu gom cá góp phần giảm lao động trực tiếp trên tàu cá, giảm chi phí xăng dầu, giảm chất thải ra môi trường, đảm bảo an toàn lao động khi tham gia đánh bắt trên biển, nâng cao giá trị sản phẩm khai thác.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp: Cơ giới hoá các khâu xử lý thực bì, làm đất, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, chữa cháy rừng, khai thác, vận xuất, vận chuyển lâm sản.

2. Cơ giới hóa trong chế biến, bảo quản nông sản

a) Hỗ trợ sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, hiện đại hóa trang thiết bị bảo quản, chế biến nông sản để đa dạng hóa sản phẩm chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành; tăng cường chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, tăng khả năng cạnh tranh, kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

b) Đầu tư mới và mở rộng cơ sở chế biến, bảo quản đảm bảo đủ năng lực chế biến, bảo quản đối với những ngành hàng chủ lực, gắn với vùng sản xuất nguyên liệu tập trung.

c) Ưu tiên hỗ trợ và kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến chè, chế biến sản phẩm chăn nuôi (gia súc, gia cầm), chế biến thủy hải sản và một số loại rau, quả… là thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền

- Các cơ quan truyền thông của tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã thực hiện chuyên mục giới thiệu về kết quả nghiên cứu, chuyển giao, lợi ích và hiệu quả mô hình sản xuất ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp; thông tin, phổ biến các loại máy, thiết bị phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh

cũng như từng đối tượng cây, con để người sản xuất tiếp cận, tìm hiểu, từ đó chủ động lựa chọn đầu tư áp dụng.

- Thông tin rộng rãi, bằng nhiều hình thức về chính sách hỗ trợ ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ dân trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, chuyển giao máy, thiết bị cơ giới hóa; hội thảo, tham quan mô hình ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp hiệu quả.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tổ chức sản xuất nông nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản đáp ứng yêu cầu; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung của vùng, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện; đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cung ứng, kết nối nông sản hiện đại; chủ động giải pháp thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tổ chức lại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo định hướng phát triển sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (lúa, ngô, chè, cam, bưởi, tôm…) và đặc sản của địa phương được cơ giới hóa đồng bộ, phù hợp với lợi thế của từng vùng, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu và kết nối với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ.

- Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với thực tiễn, theo hướng nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác với nông dân, đẩy mạnh tập trung, tích tụ ruộng đất; tăng quy mô diện tích trên thửa đất, tạo điều kiện thuận lợi áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp và phát triển chế biến nông sản. Tạo điều kiện phát triển các tổ chức hợp tác, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ và kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp; đẩy mạnh và phát triển các mô hình hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã giữ vai trò là "trụ cột" của chuỗi giá trị.

- Phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản được cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; chú trọng phát triển các doanh nghiệp chế biến, bảo quản có đủ năng lực về vốn, công nghệ và thị trường tiêu thụ để dẫn dắt chuỗi giá trị nông sản vận hành thông suốt, hiệu quả; khuyến khích phát triển các cụm liên kết làm động lực của các vùng.

3. Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ

- Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình đầu tư mua sắm máy, thiết bị mới để hiện đại hóa trong quá trình sản xuất từ khâu làm đất đến chế biến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường.

Ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, hiện đại hóa trang thiết bị bảo quản, chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành; tăng cường chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng

cao, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xây dựng các mô hình điểm tạo sự đột phá mới về cơ giới hóa có hiệu quả trong sản xuất, tạo sự lan tỏa và phát triển trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào đầu tư phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

4. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Chú trọng công tác đào tạo nghề cơ khí, vận hành, sửa chữa máy, thiết bị trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho nông dân, kỹ thuật sơ chế, bảo quản nhất là hình thức tập huấn ngắn hạn, tại chỗ thông qua công tác khuyến công, các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong vận hành máy, thiết bị phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản.

- Thực hiện xã hội hóa đào tạo nghề cho nông dân, khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại; tổ chức hợp tác liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ. Đào tạo theo nhu cầu của các doanh nghiệp nông nghiệp.

- Nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và chế biến nông sản về khoa học công nghệ, kỹ năng thương mại, phát triển thị trường,…

5. Tiếp tục thực hiện và rà soát sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách

- Đẩy mạnh thực hiện tốt các Nghị định của Chính phủ: số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

- Thực hiện tốt Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo và các chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất, hỗ trợ lãi suất,… theo quy định tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh để hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, cơ giới hoá đồng bộ, kết nối được với chế biến phù hợp với từng vùng, từng ngành.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng chính sách phù hợp để hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi phát triển cơ giới hoá nông nghiệp; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với các sản phẩm chế biến được sản xuất kinh doanh trên địa bàn; ưu tiên hỗ trợ các cơ sở chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản quy mô vừa và nhỏ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước; kinh phí từ các chương trình Mục tiêu Quốc gia; vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Căn cứ nhiệm vụ cụ thể của các sở, ngành, đơn vị, địa phương và khả năng cân đối nguồn lực hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện theo quy định để tổ chức triển khai kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chỉ đạo triển khai các chương trình, đề án, dự án để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm, 5 năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, rà soát và tham mưu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách và ban hành các văn bản quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các dự án đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, chế biến lâm sản, thủy sản.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính và đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét bố trí nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp; lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu đó) để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phát triển thị trường khoa học - công nghệ, chuyển giao các giải pháp ứng dụng, các tiến bộ khoa học công nghệ mới về cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ lĩnh vực cơ khí nông nghiệp, hướng dẫn thực hiện các quy định về chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, đặc sản của địa phương; xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND

tỉnh để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, tập trung, tạo điều kiện ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp và phát triển chế biến nông sản.

- Thực hiện quản lý môi trường tại các doanh nghiệp chế biến nông sản cũng như các khu vực chế biến nông sản tập trung.

5. Sở Tài chính: Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp đảm bảo khả năng cân đối ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách, chương trình, đề án thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Sở Công Thương: Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cơ khí nông nghiệp và sản phẩm chế biến nông sản; hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất theo Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương trong đầu tư máy, thiết bị mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản, cung cấp về thông tin giá cả thị trường; triển khai thực hiện các cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp. Đề xuất các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn lực lao động và năng lực quản lý về cơ giới hóa nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông sản.

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Tĩnh: Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tập trung ưu tiên nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường công tác phối hợp với các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nhằm tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, đặc biệt ưu tiên các dự án đầu tư vào cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản có hiệu quả.

9. Các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức thực hiện các nội dung liên quan trong Kế hoạch.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Chỉ đạo, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của kế hoạch trên địa bàn theo thẩm quyền và trách nhiệm của địa phương; thực hiện lồng ghép các nội dung của Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án phù hợp với điều kiện và đặc điểm, thế mạnh của địa phương, ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với cơ giới hoá đồng bộ tại các vùng sản xuất tập trung; phát triển các tổ chức hợp tác, trung tâm dịch vụ cơ khí nông nghiệp.

- Đẩy mạnh triển khai chính sách hỗ trợ tích tụ ruộng đất theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; xây dựng các chính sách phù hợp với nguồn lực của địa phương và huy động, bố trí kinh phí từ

ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Kế hoạch.

11. Chế độ thông tin và báo cáo: Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, định kỳ hàng năm trước ***ngày 15/12*** báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc thực hiện; tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Yêu cầu các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ tình hình thực tế xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL5.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Hồng Lĩnh